

Dettaglio SA 9836

|                      |                                                                                                                                       |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Codice SA            | 9836                                                                                                                                  |
| Descrizione          | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. |
| Unità                |                                                                                                                                       |
| Generato il          | 01/11/2026 14:25:14                                                                                                                   |
| Versione dei dati    | 2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                            |
| Stato della verifica | Dati tariffari verificati rispetto al file di origine; consigli/corrispondenze indicativi; ammissibilità ALS non verificata.          |
| Link                 | <a href="https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9836/">https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9836/</a>                                 |

57 righe tariffarie sotto 9836

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Unità | Dazio all'importazione ordinario | MFN | VAT         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----|-------------|
| 9836.10.10 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn                                       |       | 60%                              | 40% | Nessun dato |
| 9836.10.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn                                       |       | 15%                              | 10% | Nessun dato |
| 9836.10.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn                                       |       | 15%                              | 10% | Nessun dato |
| 9836.20.10 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh |       | 27%                              | 18% | Nessun dato |
| 9836.20.10 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh |       | 27%                              | 18% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Unità | Dazio<br>all'importazione<br>ordinario | MFN | VAT         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|-----|-------------|
| 9836.20.20 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.20.20 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.20.30 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bốn        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.20.30 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bốn        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.20.40 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị      |       | 15%                                    | 10% | Nessun dato |
| 9836.20.40 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị      |       | 15%                                    | 10% | Nessun dato |
| 9836.20.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.20.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Unità | Dazio<br>all'importazione<br>ordinario | MFN | VAT         |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|-----|-------------|
| 9836.20.90 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác                                     |       | 36%                                    | 24% | Nessun dato |
| 9836.20.90 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác                                     |       | 36%                                    | 24% | Nessun dato |
| 9836.30.10 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.10 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.20 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.20 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.30 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.30 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Unità | Dazio all'importazione ordinario | MFN | VAT         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----|-------------|
| 9836.30.40 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị |       | 15%                              | 10% | Nessun dato |
| 9836.30.40 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị |       | 15%                              | 10% | Nessun dato |
| 9836.30.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được   |       | 27%                              | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được   |       | 27%                              | 18% | Nessun dato |
| 9836.30.60 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô tự đổ                               |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |
| 9836.30.60 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô tự đổ                               |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |
| 9836.30.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Loại khác                                |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |
| 9836.30.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Loại khác                                |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Unità | Dazio<br>all'importazione<br>ordinario | MFN | VAT         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|-----|-------------|
| 9836.40.10 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.10 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.20 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.20 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.30 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bốn        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.30 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bốn        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.40 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị      |       | 15%                                    | 10% | Nessun dato |
| 9836.40.40 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị      |       | 15%                                    | 10% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Unità | Dazio<br>all'importazione<br>ordinario | MFN | VAT         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|-----|-------------|
| 9836.40.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được        |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.40.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác                                     |       | 45%                                    | 30% | Nessun dato |
| 9836.40.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác                                     |       | 45%                                    | 30% | Nessun dato |
| 9836.50.10 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.10 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.20 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.20 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Unità | Dazio<br>all'importazione<br>ordinario | MFN | VAT         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|-----|-------------|
| 9836.50.30 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn   |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.30 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn   |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.40 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị |       | 15%                                    | 10% | Nessun dato |
| 9836.50.40 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị |       | 15%                                    | 10% | Nessun dato |
| 9836.50.50 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được   |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.50 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được   |       | 27%                                    | 18% | Nessun dato |
| 9836.50.60 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô tự đổ                               |       | 36%                                    | 24% | Nessun dato |
| 9836.50.60 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sắt xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô tự đổ                               |       | 36%                                    | 24% | Nessun dato |

| Codice SA  | Descrizione                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Unità | Dazio all'importazione ordinario | MFN | VAT         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----|-------------|
| 9836.50.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Loại khác |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |
| 9836.50.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Loại khác |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |
| 9836.90.00 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn                                                                                   |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |
| 9836.90.00 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn                                                                                   |       | 36%                              | 24% | Nessun dato |

Questo rapporto è a scopo informativo ed è generato dai dati tariffari di origine e dalle regole di consulenza. Non costituisce una decisione doganale e non conferma la classificazione SA, l'ammissibilità all'ALS né la validità giuridica. L'utente deve verificare rispetto alla normativa vigente.